

Bản án số: 89/2020/HSST  
Ngày 15-07-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ  
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Thanh Hảo

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Văn Thanh

Ông Nguyễn Thế Phương

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lưu Thị Liên – Thư ký của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Duy Thạch - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 07 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 63/2020/HSST ngày 23 tháng 04 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2020/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 06 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/HSST-QĐ ngày 25-06-2020; đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Văn Đ** (tên gọi khác: B), sinh ngày 01-08-2000 tại Tiền Giang; giới tính: Nam; nơi đăng ký HKTT: ấp HP, xã LH, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; nơi ở: Ấp X1, xã Y1, huyện Z1, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Kh và bà Trần Bích Ng; Tiền sự - Tiền án: không; bị bắt ngày 03 tháng 03 năm 2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

**2. Huỳnh Văn Đ1**, sinh ngày 17-04-2001 tại An Giang; giới tính: Nam; nơi đăng ký HKTT: Ấp VL, xã VG, huyện T, tỉnh An Giang; nơi ở: Ấp X1, xã Y1, huyện Z1, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: không; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn N1 và bà Phạm Thị N2; Tiền sự - Tiền án: không; bị bắt ngày 03 tháng 03 năm 2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

*Người bị hại:* Lê Huy Đ2, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ 2, khu phố X3, phường Y3, thị xã Z3, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ( có mặt ).

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Đào Thị H, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số 156 P, xã B, Huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh ( vắng mặt).

2. Nguyễn Thị Hồng A1, sinh năm 1974; nơi cư trú: 290D/6E Dương Bù Tr, Phường X4, Quận Y4, Thành phố Hồ Chí Minh ( vắng mặt).

3. Phạm Văn Nh, sinh năm 2001; nơi cư trú: Ấp X1, xã Y1, huyện Z1, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh ( vắng mặt).

4. Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp LC, xã VL, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh ( vắng mặt).

5. Trần Chí Ng, sinh ngày 10-05-2004 ( vắng mặt ) – Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 1984 ( vắng mặt ) – Cùng nơi cư trú: Ấp HB, xã K, huyện CM, tỉnh An Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 29-05-2019, Nguyễn Văn Đ, Trần Chí Ng cùng với Ph và H (không xác định được nhân thân) đi chung trên một chiếc xe mô không xác định được biển số do Ng điều khiển từ thành phố Vũng Tàu về thành phố Hồ Chí Minh.

Khi cả nhóm đi đến đoạn quốc lộ 51, thuộc khu phố X5, phường Y5, thị xã thi xã Z3, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì Đ phát hiện anh Lê Huy Đ2 say rượu, đang nằm ngủ bên lề đường, bên cạnh dựng 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đỏ-trắng biển số 72E1-328.48 và 01 chiếc ba lô. Đ nói Ng dừng xe lại để cả nhóm đến trộm cắp tài sản của anh Đ2 thì N, Ph, H đồng ý. H đến lên lút trộm cắp chiếc ba lô của anh Đ2 đưa cho Đ kiểm tra, bên trong có các tài sản gồm: 01 điện thoại di động Iphone 8Plus màu đỏ; 01 cục sạc dự phòng; 02 dây sạc và đưa cho Ng cất giữ, chiếc ba lô và 02 áo công nhân dạ quang Đ ném ở ven đường.

Sau khi đi được khoảng 30-40m, Đ nói Ng dừng xe để Đ đi bộ quay lại chỗ anh Đ2 đang nằm ngủ, Đ tiếp tục lục soát túi quần của anh Đ2 trộm cắp được 01 bóp da. Thấy trên xe cắm sẵn chìa khóa nên Đ lấy xe nổ máy rồi cùng cả nhóm đi về Thành phố Hồ Chí Minh. Khi đi đến phà Cát Lái, Đ kiểm tra lấy trong bóp của anh Đ2 số tiền 125.000đ và giấy đăng ký xe máy rồi ném chiếc bóp ở ven đường. Đến sáng cùng ngày, Đ và Ng đem điện thoại di động hiệu Iphone 8Plus đến một tiệm cầm đồ tại khu vực Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh bán được 3.000.000đ. Số tiền này Đ và Ng đã mua ma túy sử dụng.

Do Đ và Huỳnh Văn Đ1 có mối quan hệ bạn bè nên vào ngày 30-05-2019, Đâu nhắn tin qua mạng xã hội Facebook nhờ Đ1 đem chứng minh nhân dân của mình đến tiệm cầm đồ Hai Đô do chị Đào Thị H làm chủ để cầm xe mô tô biển số 72E1-328.48 được số tiền 13.000.000đ. Đ cho Đ1 200.000đ, số tiền còn lại Đ và Ng mua ma túy về sử dụng và tiêu xài.

Ngày 01-06-2019, Đtiếp tục nhắn tin qua mạng xã hội Facebook nhờ Đ1 đến tiệm cầm đồ HD để bán xe mô tô biển số 72E1-328.48 lấy thêm tiền nhưng chủ tiệm không đồng ý mua. Do nghi ngờ là xe trộm cắp nên chủ tiệm cầm đồ đã giữ Đ1 ở lại, đồng thời yêu cầu Ng và Đ về nhà lấy tiền đến chuộc xe nhưng sau đó Đ và Ng đã bỏ trốn. Lúc này, Đ1 biết rõ xe mô tô biển số 72E1-328.48 là tài sản do Đ và Ng phạm tội mà có nhưng Đ1 vẫn nảy sinh ý định bán lại cho người khác để kiếm lời.

Do Đ1 và anh Phạm Văn Nh có quan hệ quen biết nên Đ1 gọi điện thoại cho Nh nhờ bán giùm chiếc xe trên. Anh Nh gọi điện thoại cho anh Nguyễn Văn T (là cậu của Nh) đến mua xe. Sau khi xem chiếc xe anh T đồng ý mua với giá 14.700.000đ, anh T chuộc xe tại tiệm cầm đồ hết 13.200.000đ, số tiền còn lại 1.500.000đ anh T trả cho Đ1, số tiền này Đ1 đã tiêu xài hết.

Tại cơ quan, Nguyễn Văn Đ và Huỳnh Văn Đ1 khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Kết luận định giá tài sản số 151/KL-HĐ.ĐGTS ngày 11-09-2019 xác định: 01 điện thoại di động Iphone 8Plus màu đỏ trị giá 14.063.000đ; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 135 màu đỏ-trắng biển số 72E1-328.48 trị giá 28.800.000đ; tiền mặt 125.000đ. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 42.988.000 đ.

Số tài sản gồm: 01 cục sạc dự phòng, 02 dây sạc, 01 ba lô, 02 áo công nhân da quang, 01 bóp da; sau khi trộm cắp Đ đã ném bỏ trên đường đi nên Cơ quan điều tra không thu giữ được để định giá tài sản. Chị Nguyễn Thị Hồng A xác định tại thời điểm rạng sáng ngày 29 và ngày 30-05-2019, trong số tiệm cầm đồ không cầm cổ hay mua điện thoại di động Iphone 8Plus màu đỏ, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng.

Trần Chí Ng, sinh ngày 10-05-2004, tại thời điểm phạm tội chưa đủ 16 tuổi, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 39 ngày 18-03-2020, xử phạt Trần Chí Ng hình thức “Cảnh cáo”.

Các đối tượng Ph và H (không xác định được nhân thân), Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau theo quy định pháp luật.

Chị Đào Thị H, anh Phạm Văn Nh và anh Nguyễn Văn T xác định khi nhận cầm cổ và mua xe mô tô biển số 72E1-328.48 không biết tài sản có nguồn gốc do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự.

Bản cáo trạng số 79/CT-VKS ngày 18-04-2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu truy tố Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; truy tố Huỳnh Văn Đ1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi bị cáo Đ thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản”, hành vi bị cáo Đ1 thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Đ từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo Đ1 từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh; các bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần mức án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thị xã Phú Mỹ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh “ Trộm cắp tài sản”: Tại phiên tòa, bị cáo Đ xác định vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 29-05-2019; tại khu vực Quốc lộ 51 thuộc khu phố X5, phường Y5, thị xã thị xã Z3; bị cáo cùng đồng bọn đã lợi dụng sự sơ hở của chủ tài sản lén lút thực hiện hành vi trộm cắp của anh Lê Huy Đ2 số tài sản gồm: 01 điện thoại di động Iphone 8Plus, 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 135 biển số 72E1-328.48 và số tiền 125.000đ. Tổng trị giá tài sản bị cáo Đ chiếm đoạt của người bị hại là 42.983.000đ. Ngoài ra bị cáo còn trộm cắp một số tài sản khác của người bị hại gồm: 01 cục sạc dự phòng, 02 dây sạc, 01 ba lô, 02 áo công nhân dạ quang, 01 bóp da nhưng Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không có căn cứ để định giá tài sản.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo Đ tại tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các đương sự trong vụ án, phù hợp với biên bản tạm giữ vật chứng, kết quả định giá và các tài liệu chứng cứ khác đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên tòa. Hành vi bị cáo Đ thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3]. Về tội danh “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”: Tại phiên tòa, bị cáo Đ1 xác định tại thời điểm ngày 30-05-2019, khi bị cáo đem chứng minh nhân dân của mình đến tiệm cầm đồ HĐ ở số Số 156 P, xã B, Huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh để cầm cố xe mô tô biển số 72E1-328.48 giúp cho bị cáo Đâu thì bị cáo không biết chiếc xe trên là do Đ trộm cắp được; nhưng đến ngày 01-06-2020 thì bị cáo biết rõ xe mô tô biển số 72E1-328.48 là tài sản do Đ phạm tội mà có

nhưng vẫn nhờ người giới thiệu cho anh Nguyễn Văn T mua lại tài sản với mục đích lấy số tiền chênh lệch 1.500.000 đ để tiêu xài cá nhân.

Xét bị cáo Đ1 không có sự thỏa thuận hứa hẹn gì trước với bị cáo Đ nhưng khi biết rõ xe mô tô biển số 72E1-328.48 là tài sản có nguồn gốc do phạm tội mà có nhưng vẫn nhờ người giới thiệu cho anh Nguyễn Văn T để anh T đưa tiền cho bị cáo chuộc lại xe từ tiệm cầm đồ, sau đó bị cáo bán lại xe mô tô biển số 72E1-328.48 cho anh T nhằm mục đích thu lợi bất chính. Hành vi bị cáo Đ1 thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội các bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân; ảnh hưởng xấu trật tự an ninh tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nên xem xét giảm cho các bị cáo một phần mức án.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại Lê Huy Đ2 xác định đã nhận lại 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 135 biển số 72E1-328.48 và 01 giấy đăng ký xe. Anh Đ2 yêu cầu bị cáo Đ bồi thường chiếc điện thoại bị mất số tiền 14.063.000đ và tiền mặt 125.000đ, tổng cộng là 14.188.000 đ. Đối với các tài sản: 01 cục sạc dự phòng, 02 dây sạc, 01 chiếc ba lô, 02 chiếc áo công nhân dạ quang, 01 chiếc bóp da; anh Đ2 xác định số tài sản này giá trị không lớn nên không yêu cầu bị cáo Đ bồi thường.

- Người liên quan Nguyễn Văn T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền anh đã bỏ ra mua xe 14.700.000 đ.

- Những người liên quan Đào Thị H, Nguyễn Thị Hồng A, Phạm Văn Nh không yêu cầu gì về phần trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Tại phiên toà, bị cáo Đâu tự nguyện bồi thường toàn bộ tài sản bị mất cho anh Lê Huy Đức số tiền 14.188.000 đ và bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 13.000.000 đ; bị cáo Đâu không yêu cầu Trần Chí Ng có trách nhiệm liên đới bồi thường khoản tiền trên.

- Tại phiên toà, bị cáo Điều tự nguyện đồng ý bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 1.700.000 đ.

Xét yêu cầu của các đương sự có căn cứ, sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo phù hợp với quy định pháp luật, nên công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và các đương sự về phần trách nhiệm dân sự.

[7]. Về án phí : Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5% giá trị tài sản phải bồi thường, bị cáo Đ1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.



*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “ Trộm cắp tài sản”; bị cáo Huỳnh Văn Đ1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Xử phạt Nguyễn Văn Đ:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt Nguyễn Văn Đ 01 (một) năm 06 ( sáu ) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03 tháng 03 năm 2020.

3. Xử phạt Huỳnh Văn Đ1:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt Huỳnh Văn Đ1 01 ( một ) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 03 tháng 03 năm 2020.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 582, khoản 1 Điều 585, Điều 586, Điều 587, khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ bồi thường cho anh Lê Huy Đ2 số tiền 14.188.000 đ (mười bốn triệu một trăm tám mươi tám ngàn đồng) và bồi thường cho anh Nguyễn Văn T 13.000.000 đ (mười ba triệu đồng).

- Huỳnh Văn Đ1 có nghĩa vụ bồi thường cho anh Nguyễn Văn T 1.700.000 đ ( một triệu bảy trăm ngàn đồng ).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyễn Văn Đ phải nộp 1.359.000 đồng (một triệu ba trăm năm mươi chín ngàn đồng), Huỳnh Văn Đ1 phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ( mười lăm ) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ( PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Công an thị xã Phú Mỹ;
- Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ;
- Nhà tạm giữ Công an thị xã Phú Mỹ;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Thị Thanh Hảo**